

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **102/2026/HSST**

Ngày: 04/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Nga.

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Duy Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Công Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 77/2026/HSST ngày 17 tháng 04 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1013/2026/QĐXXST-HS ngày 18/5/2026, đối với bị cáo:

P - Sinh ngày 23 tháng 12 năm 1994, tại thành phố Đà Nẵng; Số CCCD: 048094004947; Nơi ĐKKHKT: Tổ B, phường H, thành phố Đà Nẵng. Chỗ ở hiện nay: Tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lái xe; Con ông Phạm Văn H, sinh năm 1969 và con bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm: 1969; Vợ: Trần Thị Kim P, sinh năm 1994 và 01 con nhỏ sinh năm 2020; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 3.

Tiền án, tiền sự: Chưa.

Nhân thân:

- Ngày 10/6/2013, bị TAND quận Liên Chiểu, TP . xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số: 42/2013/HSST, đã nộp án phí ngày 03/11/2014.

- Ngày 27/12/2018, bị TAND quận Liên Chiểu, TP . áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng theo Quyết định số: 84, chấp hành xong vào ngày 08/10/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2026. có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Đông là đối tượng đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của Ủy ban nhân dân phường H, nay là phường H, Tp Đà Nẵng, trong thời hạn 02 năm *(kể từ ngày 25/10/2024 đến ngày 25/10/2026)*. Tuy nhiên, qua công tác kiểm danh, kiểm diện vào ngày 15/01/2026, Công an phường H, TP . tiến hành xét nghiệm đối với Phạm Đ thì cho kết quả dương tính với chất ma túy. Qua làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra, Phạm Đ khai nhận:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 12/01/2026, Phạm Đ sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A06, gắn sim số 0762.056.560 của mình liên hệ với một người đàn ông *(không xác định được nhân thân, lai lịch)* qua số điện thoại 0899.390.590 đặt mua 300.000đ ma túy đá thì người đồng ý và này hẹn đến đường T, phường T, thành phố Đà Nẵng để giao dịch. Sau đó, Đ đi xe ôm đến điểm hẹn gặp một người đàn ông, giao số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* cho người này thì được người này chỉ cho Đ lấy 01 túi ni lông dán băng keo đen *(bên trong có 01 gói ma túy)* để bên cạnh thùng rác, cách chỗ Phạm Đông đứng khoảng 20 mét. Sau đó, Đ đi bộ đến lấy túi ni lông có chứa gói ma túy bỏ vào túi quần rồi đón xe ôm trở về nhà trọ. Về đến nhà trọ, Đ lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã cất giấu trước đó, đem ra bãi đất trống bên cạnh phòng trọ, đổ ma túy vào, đốt nóng lên và sử dụng một mình. Sau khi sử dụng hết ma túy, Đ đã vứt bộ dụng cụ sử dụng ma túy vào thùng rác. Tại cơ quan điều tra, Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của mình. Theo Kết luận giám định số: 181/KL-KTHS ngày 23/01/2026 của Phòng K Công an thành phố Đ ban hành kết luận: *“Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine trong mẫu nước tiểu của Phạm Đ được niêm phong ký hiệu A gửi giám định.”*

* Tang vật thu giữ: 01 ĐTDĐ Samsung A06 (imei 1: 356647182675262; imei 2: 357644392675264) gắn sim số 0762056560; 01 que test ma túy của Phạm Đ; 01 chai nhựa dung tích 500ml được niêm phong trong phong bì của Phòng K, C, bên ngoài có chữ ký của giám định viên, điều tra viên và hình dấu của Phòng K, ký hiệu mẫu: A.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKSKV4 ngày 16 tháng 4 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Phạm Đ về tội *“Sử dụng trái phép chất ma túy”* theo điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa trình bày quan điểm vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đ phạm tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b Khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự.

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 256a, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Đông T 02 năm 06 tháng - 03 năm tù về tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2026.

Và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đông thông N việc truy tố của VKS và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi và quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Đối chiếu lời khai của bị cáo Phạm Đông T1 phiên tòa là phù hợp với biên bản làm việc do Công an phường H lập lúc 17h00 phút ngày 15/01/2026, phù hợp với Kết luận giám định số: 181/KL-KTHS ngày 23/01/2026 của Phòng K Công an thành phố Đ, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Phạm Đông là đối tượng đang trong thời hạn quản lý sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú theo Quyết định số: 13/QĐ-UBND ngày 25/10/2024 của Ủy ban nhân dân phường H, nay là phường H, thành phố Đà Nẵng, trong thời hạn 02 năm (*kể từ ngày 25/10/2024 đến ngày 25/10/2026*). Nhưng vào ngày 12/01/2026, Phạm Đ đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine và bị Công an phường H, thành phố Đà Nẵng phát hiện vào ngày 15/01/2026. Tại Kết luận giám định số: 181/KL-KTHS ngày 23/01/2026 của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận: Mẫu nước tiểu của Phạm Đ được niêm phong ký hiệu A có tìm thấy chất ma túy loại Methamphetamine.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 1 Điều 256a Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025. Do vậy, Cáo trạng số: 27/CT-VKSKV4 ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Bị cáo là người trưởng thành, có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tác hại của ma túy và biết hành vi sử dụng trái phép các chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân và đặc biệt đang trong thời gian bị quản lý sau cai nghiện nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện việc sử dụng trái phép ma túy. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây tổn hại đến sức khỏe và làm ảnh hưởng đến trật tự trị an của xã hội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, TP . xử phạt 30 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo bản án số: 42/2013/HSST ngày 10/6/2013 và ngày 27/12/2018 bị TAND quận Liên Chiểu, TP . áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng, chấp hành xong vào ngày 08/10/2019; Đến ngày 12/01/2026, bị cáo Phạm Đ tiếp tục có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, loại Methamphetamine. Điều đó cho thấy bị cáo không có ý thức rèn luyện tu dưỡng bản thân để làm người lương thiện, do vậy cần phải được xử lý nghiêm.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải; Bị phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự, HĐXX sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6]. Về đề nghị của VKS: Đề nghị của đại diện VKS Khu vực 4 - Đà Nẵng tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (một) điện thoại di động S (imei 1: 356647182675262; imei 2: 357644392675264) gắn sim số 0762056560, đây là điện thoại bị cáo dùng mua ma túy nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; Đối với 01 que test ma túy của Phạm Đ; 01 chai nhựa dung tích 500ml được niêm phong trong phong bì của Phòng K, C, bên ngoài có chữ ký của giám định viên, điều tra viên và hình dấu của Phòng K, ký hiệu mẫu: A, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Vấn đề khác:

Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo Phạm Đ: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch đề nghị CQCSĐT Công an T tiếp tục xác minh, xử lý theo quy định.

Đối với những người xe ôm chở bị cáo Phạm Đông Đ1 đến điểm mua ma túy và đi về lại nhà trọ: Quá trình điều tra, Phạm Đ khai nhận không nói cho những người này biết việc mình đi mua ma túy và đến nay chưa xác định được nhân thân, lai lịch những người này nên không có căn cứ xử lý.

Đối với các số điện thoại 0762.056.560 mà bị cáo Phạm Đ khai nhận là của mình, sử dụng để liên hệ đến số 0899.390.590 của đối tượng bán ma túy: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thông tin của các chủ thuê bao,

yêu cầu trích xuất lịch sử cuộc gọi nhưng chưa có kết quả nên đề nghị CQCSĐT Công an T tiếp tục điều tra, xử lý theo quy định.

[9]. Về án phí HSST: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu số tiền 200.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố bị cáo Phạm Đ phạm tội “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 256a, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Đông 0 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 07/02/2026.

II. Xử lý vật chứng: Áp dụng: Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS.

2.1. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) ĐTDĐ S (imei 1: 356647182675262; imei 2: 357644392675264) gắn sim số 0762056560 là điện thoại của bị cáo Phạm Đông .

2.2. Tịch thu tiêu hủy: 01 que test ma túy của Phạm Đ; 01 chai nhựa dung tích 500ml được niêm phong trong phong bì của Phòng K, Công an T, bên ngoài có chữ ký của giám định viên, điều tra viên và hình dấu của Phòng K, ký hiệu mẫu: A.

(Vật chứng đang tạm giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đà Nẵng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 20/4/2026).

III. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí HSST.

IV. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP. Đà Nẵng
- VKSND TP. Đà Nẵng
- VKSND KV4
- Trại giam
- Cơ quan CSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- Phòng THADS.KV4
- Người tham gia tố tụng
- Sở Tư pháp
- Lưu hồ sơ

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Trình

